

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẠC DƯƠNG
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:01/2019/QĐST- HNGĐ

Lạc Dương, ngày 05 tháng 6 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC DƯƠNG, TỈNH LÂM ĐỒNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Văn Phúc

Thư ký phiên họp: Ông Hà Hải Dương, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 18/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2019 về việc “Yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 01/2019/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2019, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Anh Kră Jăn B, sinh năm 1985 và chị Cil San H, sinh năm 1989. Địa chỉ: tổ dân phố B, thị trấn D, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Pang Ting T, sinh năm 1970 và bà Cil H1, sinh năm 1975. Địa chỉ: tổ dân phố B, thị trấn D, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

(Chị H, anh B, bà H1 có mặt; ông T có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Tại đơn yêu cầu về việc chấm dứt việc nuôi con nuôi và lời khai trong quá trình tố tụng chị Cil San H và anh Kră Jăn B trình bày: ngày 18/01/2011 chị H có sinh cháu Cil Hàn V tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Lâm Đồng và đăng ký khai sinh tại UBND xã D, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Đến ngày 27/3/2014 vợ chồng anh chị có

làm thủ tục cho cháu Cil Hàn V làm con nuôi ông T và bà H1, tuy nhiên từ ngày làm thủ tục nhận con nuôi tới nay cháu Cil Hàn V vẫn ở cùng với bố mẹ đẻ là chị Cil San H và anh Kră Jăn B, anh chị H, B vẫn trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Cil Hàn V; lúc cho cháu Cil Hàn V làm con nuôi mục đích lúc đó do ông T và bà H1 có làm thủ tục đi định cư ở nước ngoài (Hoa Kỳ) nên ông bà có làm thủ tục cho con nuôi để cho cháu V có thể đi định cư ở nước ngoài, Nhưng nay vì để đảm bảo quyền lợi của con được chăm sóc, giáo dục nên ông bà yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi đối với cháu Cil Hàn V.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Păng Tinh T và Bà Cil H1 thống nhất trình bày: Trước khi nhận cháu Cil Hàn V làm con nuôi thì ông, bà có làm thủ tục để xin đi định cư ở nước ngoài (Hoa Kỳ) nên có bàn bạc với gia đình để nhận cháu Cil Hàn V, sinh ngày 18/01/2011 làm con nuôi (cháu V là con của chị H, chị H là cháu ruột của bà H1) mục đích là nếu ông, bà được đi định cư ở nước ngoài sẽ cho cháu đi cùng, từ ngày nhận cháu V làm con nuôi ông, bà không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu V. Nay vợ chồng chị Cil San H và anh Kră Jăn B yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi đối với cháu Cil Hàn V, ông, bà đồng ý với yêu cầu của chị Cil San H và anh Kră Jăn B để nhằm đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho cháu Cil Hàn V.

Tại biên bản xác minh ngày 15/5/2019 đối với chính quyền địa phương cũng như Trường tiểu học nơi cháu Cil Hàn V đang học đều xác nhận từ trước đến nay việc chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cháu Cil Hàn V vẫn do chị Cil San H và anh Kră Jăn B thực hiện. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho cháu V đề nghị Tòa án căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết.

Ý kiến của kiểm sát viên tham gia phiên họp: quá trình giải quyết việc dân sự từ khi thụ lý đến khi mở phiên họp, Thẩm phán, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc giải quyết yêu cầu của đương sự: Căn cứ ý kiến trình bày, các chứng cứ, tài liệu do người yêu cầu cung cấp, lời trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia phiên họp và các tài liệu do Tòa án thu thập có căn cứ để chấp nhận yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi giữa ông T và bà H1 với cháu Cil Hàn V. Đề nghị Tòa án áp dụng Điều 10, khoản 1 Điều 13 Luật nuôi con nuôi; khoản 5 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm 1 khoản 2 Điều 39, Điều 369, Điều 370 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận yêu cầu của chị Cil San H và anh Kră Jăn B, chấm dứt việc nuôi con nuôi giữa ông T và bà H1 đối với cháu Cil Hàn V, giao cháu Cil Hàn V cho chị Cil San H và anh Kră Jăn B nuôi dưỡng; buộc chị H, anh B phải chịu 300.000 đồng lệ phí yêu cầu giải quyết việc dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng nhận định:

[1] Chị Cil San H và anh Kră Jăn B có đơn yêu cầu Tòa án chấm dứt việc nuôi con nuôi giữa cha nuôi là ông Păng Ting T và mẹ nuôi là bà Cil H1 đối với con nuôi là cháu Cil Hàn V, sinh 18/01/2011; hiện ông Păng Ting T, bà Cil H1 và cháu Cil Hàn V đang cư trú tại tổ dân phố B, thị trấn D, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Căn cứ vào khoản 5 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm 1 khoản 2 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, yêu cầu trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng.

[2] Căn cứ giấy chứng nhận nuôi con nuôi số 01, quyển số 01/2014 của Ủy ban nhân dân thị trấn D, huyện L, tỉnh Lâm Đồng công nhận ông Păng Ting T và bà Cil H1 nhận cháu Cil Hàn V, sinh ngày 18/01/2011, là con ruột của chị Cil San H và anh Kră Jăn B làm con nuôi là hợp pháp đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết các bên đều thừa nhận việc nhận con nuôi chỉ nhằm mục đích cha mẹ nuôi ông T, bà H1 nếu được đi định cư ở nước Ngoài (Hoa Kỳ) sẽ đưa cháu Cil Hàn V đi cùng để cháu được hưởng quyền lợi khi định cư ở nước ngoài, Tuy nhiên, từ ngày nhận con nuôi là cháu Cil Hàn V tới nay việc chăm sóc, giáo dục cháu Cil Hàn V vẫn do cha, mẹ cháu là chị Cil San H và anh Kră Jăn B thực hiện; Việc cháu V vẫn ở với cha, mẹ đẻ và do cha mẹ đẻ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đã được chính quyền địa phương và cô giáo chủ nhiệm của cháu Cil Hàn V thừa nhận. Căn cứ vào Điều 10, khoản 1 Điều 13 và khoản 4 Điều 25 Luật nuôi con nuôi, việc yêu cầu chấm dứt việc nuôi con nuôi của chị Cil San H và anh Kră Jăn B là có cơ sở chấp nhận, do vậy cần giao cháu Cil Hàn V, sinh ngày 18/01/2011 cho cha, mẹ ruột của cháu là chị Cil San H và anh Kră Jăn B chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục vì lợi ích tốt nhất của cháu.

[3]. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Căn cứ Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giải, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: buộc người yêu cầu là chị Cil San H và anh Kră Jăn B và chị phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 5 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm 1 khoản 2 Điều 39, khoản 1 Điều 149, Điều 367, Điều 370, Điều 371 và Điều 372 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 10, khoản 1 Điều 13, khoản 4 Điều 25, Điều 26, Điều 27 Luật nuôi con nuôi năm 2010; khoản 1 Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giải, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1]. Chấp nhận đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự về chấm dứt việc nuôi con nuôi của chị Cil San H và anh Kră Jăn B.

Chấm dứt việc nuôi con nuôi giữa cha nuôi là ông Păng Ting T và mẹ nuôi là bà Cil H1 với con nuôi là cháu Cil Hàn V, sinh ngày 18/01/2011 theo giấy chứng nhận nuôi con nuôi số 01, quyền số 01/2014 ngày 27/3/2014 của Ủy ban nhân dân thị trấn D, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Giao cháu Cil Hàn V, sinh ngày 18/01/2011 cho chị Cil San H và anh Kră Jăn B trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Quyền và nghĩa vụ giữa cha mẹ nuôi và con nuôi chấm dứt kể từ ngày quyết định chấm dứt nuôi con nuôi của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

[2]. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: chị Cil San H và anh Kră Jăn B phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm ngàn) đồng chị Cil San H và anh Kră Jăn B đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0008848 ngày 26/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng (chị H, anh B đã nộp đủ).

[3]. Đương sự có quyền kháng cáo Quyết định này trong hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra Quyết định (ông T có quyền kháng cáo trong hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày Quyết định được niêm yết theo quy định). Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Dương, tỉnh Lâm Đồng có quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Lạc Dương;
- Chi cục THA huyện Lạc Dương;
- UBND thị trấn D;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Văn Phúc

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 22-VDS:

(1) Ghi tên Tòa án ra quyết định; nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm, ô thứ ba ghi ký hiệu loại quyết định (ví dụ: “Số: 20/2018/QĐST-KDTM”).

(3) Ghi loại việc dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết.

(4) Nếu việc dân sự do một Thẩm phán giải quyết thì không cần ghi nội dung này.

(5) Ghi họ tên, chức danh của Thư ký phiên họp.

(6) Ghi địa điểm diễn ra phiên họp (ví dụ: trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định).

(7) Ghi số, ký hiệu, ngày tháng năm thụ lý việc dân sự và loại việc dân sự mà Tòa án thụ lý giải quyết.

(8) Nếu người yêu cầu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên cần ghi thêm ngày, tháng, năm sinh của người đó; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó.

(9) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của người yêu cầu và ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu; nếu là người đại diện theo pháp luật thì ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với người yêu cầu; nếu là người đại diện theo ủy quyền thì ghi chú trong ngoặc đơn “Văn bản ủy quyền ngày ... tháng ... năm”

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A, trú tại..... là người đại diện theo pháp luật của người yêu cầu (Tổng Giám đốc Công ty cổ phần xây dựng Tân Phước Thịnh).

Ví dụ 2: Bà Lê Thị B, trú tại là người đại diện theo ủy quyền của người yêu cầu (Văn bản ủy quyền ngày..... tháng.... năm.....).

(10) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người yêu cầu và ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào); nếu có nhiều người yêu cầu thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người yêu cầu nào.

(11) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (8).

(12) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (9).

(13) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (10).

(14) Ghi họ tên và địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người làm chứng.

(15) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người phiên dịch; nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ nơi cư trú.

(16) Ghi họ tên và địa chỉ nơi làm việc của người giám định; nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ nơi cư trú.

(17) Ghi rõ những nội dung mà người yêu cầu yêu cầu Tòa án giải quyết.

(18) Ghi nhận định của Tòa án và những căn cứ để chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu. Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(19) Ghi rõ điểm, khoản, điều luật tương ứng của Bộ luật Tố tụng dân sự và pháp luật liên quan để ra quyết định.

(20) Ghi các quyết định của Tòa án về giải quyết việc dân sự.

(21) Ghi rõ những người phải nộp lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự và mức lệ phí mỗi người phải nộp; nếu thuộc trường hợp không phải nộp (hoặc được miễn, giảm) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự thì ghi rõ là không phải nộp (hoặc được miễn, giảm) lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

(22) Ghi quyết định của Tòa án về quyền kháng cáo, kháng nghị của đương sự và Viện kiểm sát.

(23) Chỉ ghi quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án dân sự đối với những quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 Bộ luật Tố tụng dân sự.

(24) Trường hợp việc dân sự do một Thẩm phán giải quyết thì ghi:

“THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỢP
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)”